

越南文

Cách sử dụng thuốc

Khi lĩnh thuốc, cần đối chiếu số lượng thuốc, đồng thời hỏi rõ thời gian và cách sử dụng.

1. Thuốc uống cần uống với nước ấm.
2. Cần dùng thuốc đúng thời gian biểu quy định trong ngày.
3. Không được lẫn lộn thuốc uống trước và sau bữa ăn.
4. Không được dùng trà, nước ép trái cây, sữa, cà phê hay các loại đồ uống có tính kích thích khác để uống thuốc.
5. Cần sử dụng thuốc đúng theo phương pháp và liều lượng mà bác sỹ chỉ định ; nếu không được sự cho phép của bác sỹ thì không được tự ý thay đổi liều dùng hoặc ngừng thuốc.
6. Nếu quên dùng thuốc, thì phải uống bù ngay khi nghĩ ra, nhưng nếu đã gần đến giờ uống thuốc lần tiếp theo, thì không được uống bù.
7. Nếu cảm thấy dùng thuốc không đạt được hiệu quả mong muốn, hoặc nếu sản sinh tác dụng phụ, thì phải ngừng thuốc ngay và thông báo cho bác sỹ hoặc dược sỹ.
8. Chú ý đọc kỹ tên thuốc, cảnh báo dùng thuốc và thời hạn sử dụng.
9. Sau khi khỏi bệnh, nếu còn thừa thuốc thì không được tùy tiện sử dụng hoặc cho người khác dùng.
10. Nếu có bất cứ vấn đề gì khi sử dụng thuốc, nhất định phải hỏi bác sỹ hoặc dược sỹ hoặc các nhân viên có chuyên môn về dược khác.
11. Nếu sử dụng hai loại thuốc mắt nước trở lên, phải nhỏ cách nhau 5-10 phút.
12. Thuốc mỡ dùng ngoài da không được uống hoặc bôi vào mắt.

中文對照說明

藥怎麼吃

領到藥品時應核對藥品數量，問明白用藥方法、時間：

1. 口服藥品應以溫開水服用。
2. 服藥應依每日規定時間。
3. 飯前與飯後服藥時間標準化。
4. 不要以茶、果汁、牛奶、咖啡等刺激性飲料配服藥品。
5. 須按醫師、藥師指示的用法及劑量服用藥物；未經醫師指示，不可擅自改變藥品劑量或停藥。
6. 如果忘記服藥，想起時應立即服用，若已接下次服藥時間，就不必再服。
7. 若覺得藥品沒有作用或發生任何異常狀況或作用時，要立刻告知醫師或藥師。
8. 注意藥品名稱、警語及有效期限的標示。
9. 痊癒後之剩藥，不可任意服用或提供他人服用。
10. 有用藥問題一定要詢問醫師或藥師等專業人員。
11. 兩種以上眼藥水，應間隔 5-10 分鐘。
12. 外用藥膏不可吞服或塗抹眼睛。

Chỉ dẫn dùng thuốc

1. Trước khi sử dụng thuốc, cần nhìn kỹ xem là thuốc uống thay thuốc dùng ngoài :
 - (1) Thuốc uống : Cần xem kỹ cách sử dụng, uống cả viên hay nửa viên, nhai nát hay dùng ngâm, hoặc hòa tan vào nước, v.v...; kiểm tra xem có thuốc có bị biến chất hoặc quá hạn sử dụng không.
 - (2) Thuốc dùng ngoài : Xem kỹ sử dụng cho bộ phận cơ thể nào : da, mắt, tai, mũi, trực tràng, âm đạo hay hít vào.
 - (3) Trước khi sử dụng thuốc cần rửa sạch tay, tránh làm ô nhiễm thuốc và vết thương.
 - (4) Đối với những loại thuốc ở dạng lỏng thì trước khi sử dụng cần lắc kỹ.
 - (5) Thuốc đạn (thuốc nhét) cần cho vào ngăn lạnh để duy trì hình dạng thuốc, trước khi sử dụng phải lấy ra đợi thuốc bớt lạnh mới được dùng.
 - (6) Những loại thuốc cần đậy kín, thì sau khi dùng xong phải đậy nắp chặt lại.
 - (7) Không được dùng thuốc đã quá hạn hoặc biến chất, ví dụ như thuốc mắt nước sau khi mở nắp 1 tháng thì phải bỏ đi.
 - (8) Không dùng thuốc của người khác, để tránh việc lây nhiễm chéo hoặc dùng sai thuốc.
- . Thời gian dùng thuốc :
 - (1) Thời gian dùng thuốc phải theo quy định số lần trong ngày
Ngày 4 lần: Uống thuốc vào bữa sáng, bữa trưa, bữa tối và trước khi đi ngủ
Ngày 3 lần: Uống thuốc vào bữa sáng, bữa trưa, bữa tối
Ngày 2 lần: Uống thuốc vào bữa sáng và bữa tối
Ngày 1 lần: Uống thuốc vào một thời gian cố định trong ngày

用藥指示

1. 用藥時，首先要看清楚是內服藥還是外用藥
 - (1) 口服藥：要先確認服用方法，是整粒或半顆吞服、咬碎、口含、或加水稀釋…等。確認有否變質或過期。
 - (2) 外用藥：確認使用部位是皮膚、眼、耳、口、鼻、直腸、陰道或是吸入用。
 - (3) 在使用藥品前要先洗淨雙手，避免污染藥品或傷口。
 - (4) 懸浮液劑在使用前應先充分振搖。
 - (5) 栓劑需冷藏才可維持其形狀，冷藏藥品要回復室溫才能使用。
 - (6) 有蓋子的藥品，使用後須蓋緊。
 - (7) 不可使用變質或過期的藥水。如眼藥水在開瓶後一個月，必須丟棄。
 - (8) 不使用別人的藥品，以免交互傳染病菌或誤用藥物。
2. 服藥時間
 - (1) 服藥應依每日規定時間
每日四次：早餐、午餐、晚餐、睡前服用
每日三次：早餐、午餐、晚餐服用
每日二次：早餐、晚餐服用
每日一次：每天固定一個時間服用

(2)Thuốc dùng trước hoặc sau bữa ăn

Trước khi ăn (hoặc khi đói bụng): Trong vòng 1 tiếng trước khi ăn, hoặc sau khi ăn xong 2 tiếng và kết hợp cùng với đồ ăn.

Thuốc sử dụng trước khi ăn: Dễ bị thức ăn ảnh hưởng đến việc hấp thụ, kích thích dạ dày thấp.

Sau khi ăn: Trong vòng 1 tiếng sau khi ăn hoặc khi ăn xong lập tức uống ngay.

Thuốc sử dụng sau bữa ăn: Có thể dựa vào thức ăn để hỗ trợ cho việc tiếp thụ, giảm bớt kích thích dạ dày.

Trước khi đi ngủ: Uống thuốc trước khi đi ngủ khoảng nửa tiếng.

(3)Mỗi ngày 4 lần hoặc 6 tiếng uống 1 lần

Mục đích sử dụng khác nhau:

Mỗi ngày 4 lần: Điều trị triệu chứng bệnh, ví dụ như thuốc Panadol.

6 tiếng 1 lần : Duy trì nồng độ trong máu, ví dụ thuốc kháng sinh.

3.Bắt buộc phải sử dụng nước trắng để uống thuốc :

(1)Có một số loại thuốc mà nếu uống với nước hoa quả (như nước nho) hoặc trà, cà phê, sữa, thì sẽ sản sinh tương tác thuốc, ảnh hưởng đến hiệu quả của thuốc.

(2)Không được nằm uống thuốc, tránh việc thuốc lưu lại ở đường thực quản lâu, sẽ gây nên bông thực quản.

4.Nếu quên uống thuốc thì làm thế nào?

(1)Thuốc giảm nhẹ triệu chứng bệnh : Nếu quên uống thì cũng không sao (ví dụ như : thuốc giảm đau).

(2)Thuốc điều trị hoặc phòng ngừa : như thuốc cao huyết áp, tiểu đường, nếu trong vòng không lâu sau nhớ ra, thì có thể uống bù ngay ; nếu đã sắp đến giờ uống thuốc lần kế tiếp, thì không cần uống bù.

(3)Đối với thuốc uống trước khi đi ngủ, nếu đến sáng hôm sau mới nhớ ra, thì không cần uống bù.

(2) 飯前與飯後說明

飯前 (或空腹) : 飯前一小時內或飯後二小時與食物一起服用

飯前服用的藥物 : 易被食物影響吸收、腸胃刺激性小

飯後 : 飯後一小時內或飯後立即服用

飯後服用的藥物 : 可藉食物協助吸收、減少腸胃刺激

睡前 : 睡覺前半小時服用

(3) 一天四次與每六小時一次

不同目的 :

一天四次--症狀治療, 例如: 普拿疼

每六小時一次--維持固定血中濃度, 例如 : 抗生素

3. 必須以白開水服藥

(1) 有些藥物與果汁(如葡萄柚汁) 或茶、咖啡、牛奶會發生交互作用, 而影響藥效。

(2) 服藥時不要躺著, 避免藥物停留在食道時間延長而造成食道灼傷。

4. 如果忘記服藥要怎麼辦?

(1) 症狀緩解的藥品: 忘了服藥沒有關係(例如: 止痛劑)。

(2) 治療或預防用的藥品: 如高血壓、糖尿病用藥, 若是短時間內想起可立即服用; 若已經接近下次服藥時間不要服用

(3) 睡前服用的藥物, 若是白天才記起, 就無需補服。

Cảnh báo dùng thuốc

Hiện nay trên túi đựng thuốc của các cơ sở y tế và hiệu thuốc đều có in những thông tin cảnh báo sử dụng thuốc như: cách sử dụng, liều lượng, tác dụng phụ, chỉ định. Trước khi dùng thuốc, nhất định phải đọc kỹ những thông tin đó, hoặc đọc hướng dẫn sử dụng của sản phẩm thuốc.

1. Cảnh báo tác dụng phụ :

(1) “Uống thuốc này có thể dẫn đến buồn ngủ hoặc chóng mặt”,

“Cần thận trọng nếu sau khi uống thuốc phải thao tác máy móc hoặc điều khiển tàu xe”, có nghĩa là khi sử dụng loại thuốc này thì tốt nhất tránh làm các công việc đòi hỏi tập trung tinh thần.

(2) “Trong thời gian dùng thuốc, không uống đồ uống có chất cồn”, có nghĩa là tác dụng của thuốc có thể kéo dài hoặc gây buồn ngủ.

(3) “Trong thời gian dùng thuốc, tránh tiếp xúc với ánh nắng”, thường dùng cho thuốc loại Sulfa hoặc các sản phẩm dưỡng trắng.

2. Những phương pháp sử dụng đặc biệt :

(1) “Uống cả viên, không được nhai nát hoặc nghiền nhỏ”, có nghĩa là thuốc đó có thể có mùi vị khó chịu, hoặc là thuốc cần duy trì tác dụng lâu, hoặc thuốc bảo vệ đường ruột.

(2) “Cần để ngăn lạnh” có nghĩa là thuốc đó sau khi lĩnh về phải để ở ngăn dưới tủ lạnh.

(3) “Lắc đều trước khi sử dụng”, thông thường đối với các loại thuốc dạng lỏng, như thuốc kháng sinh dạng nước hoặc thuốc mắt nước.

3. Phụ nữ có thai và cho con bú :

“Không dùng cho phụ nữ có thai, chuẩn bị có thai hoặc cho con bú”, có nghĩa là thuốc đó không thích hợp cho các đối tượng này sử dụng.

4. Tương tác thuốc :

服藥警語

目前醫療院所及藥局的藥袋上都會註記包括用法、用量、副作用、適應症等警示。服藥前一定要詳讀藥袋或藥品說明書。

1. 副作用警示

(1) 「服用本藥可能會導致嗜睡或頭暈」、「服藥後需開車或操作機械的人請小心」, 表示使用這類藥物期間盡量避免從事需要精神專注的工作。

(2) 「服用本藥期間請勿飲用含酒精性飲料」表示可能藥效延長或嗜睡副作用。

(3) 「服藥期間應避免曬太陽」常見在磺胺類藥品及美白產品。

2. 特殊使用方法

(1) 「藥品請整顆吞服勿磨粉或嚼碎」表示藥物可能味道不好、持續性藥效劑型或腸衣劑型等, 所以不適合咬碎服用。

(2) 「需冷藏」表示藥物領回後, 需放在冰箱下層冷藏。

(3) 「使用前請搖勻」常見於懸浮液藥品、胃乳、抗生素口服藥水或眼藥水。

3. 孕婦與哺乳

「懷孕、計畫懷孕或授乳的婦女請勿服用本藥」, 表示此藥不適合懷孕或授乳之婦女服用。

4. 藥物交互作用

- (1) “Thuốc sắt và thuốc giảm a-xít dạ dày phải được uống cách xa ít nhất 2 tiếng”, thông thường là chỉ định đối với thuốc kháng sinh loại Quinolones, vì thuốc sắt, sữa, và thuốc giảm a-xít dạ dày sẽ ảnh hưởng đến sự hấp thụ và tác dụng của thuốc này.
- (2) “Không uống với nước nho”, như các loại thuốc chẹn kênh canxi, nhóm thuốc ức chế miễn dịch loại Macrolid, các chất dẫn xuất Ergot, v.v..., nếu uống cùng nước nho sẽ ảnh hưởng đến sự hấp thụ và bài tiết thuốc.

- (1) 「若要服用鐵劑、制酸劑時，應該至少要相隔 2 小時」常見在 Quinolones 類抗生素藥物，因鐵劑、牛奶及制酸劑會影響藥物的吸收及藥效。
- (2) 「勿併服葡萄柚汁」如鈣離子阻斷劑、巨環類免疫抑制劑及麥角鹼衍生物等與葡萄柚汁併服會影響藥物吸收與代謝。

